

Bản án số: 162/2018/DS-PT
Ngày 15-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đào

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà C, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh A, sinh năm 1987, chức vụ: Nhân viên Phòng Pháp chế và xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Theo giấy ủy quyền số 1491/UQ-NHKL ngày 18 tháng 9 năm 2018).

- Bị đơn:

1. Anh U, sinh năm 1972.

2. Chị H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự: anh A, anh U có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày: Vào ngày 29/12/2011 anh U, chị H có ký hợp đồng tín dụng số HD0522/HĐTD vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 900.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 2%/tháng, điều chỉnh 6 tháng/thời hạn vay vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ điều chỉnh và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng ngay tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng biên độ 0.84%/tháng, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm nợ quá hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.

Tài sản thế chấp cho khoản nợ trên là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 745698 và số AD 745697 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho anh U vào ngày 03/4/2006.

Trong quá trình vay, anh U và chị H đã thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng đến ngày 03/3/2012 với số tiền là 48.200.000 đồng. Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã thông báo nhiều lần cho anh U, chị H nhưng đến nay anh U, chị H vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh U và chị H phải trả cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 15/6/2018) số tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 174.668.000 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 361.069.724 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.687.572.750 đồng; tổng cộng số tiền là 3.123.310.474 đồng.

* Bị đơn anh U và chị H trình bày: Anh U, chị H xác nhận hiện nay anh chị còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền vay gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Anh chị xin hẹn đến khi nào bán được đất sẽ trả nợ cho Ngân hàng và xin giảm tiền lãi vì hiện nay hoàn cảnh của anh chị đang gặp khó khăn.

* Tại bản án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc anh U và chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K

số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/6/2018 là 3.123.310.474 và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh U, chị H không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/12/2011 giữa anh U, chị H và Ngân hàng để thu hồi nợ.

Trường hợp anh U, chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho anh U, chị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 745698 và số AD 745697 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho anh U vào ngày 03/4/2006.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 18/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm. Nội dung kháng nghị là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi của hợp đồng tín dụng số HD0522/HĐTD ngày 29/12/2011.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, qua động viên và giải thích pháp luật, phía đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần K thống nhất không tính phạt lãi vi phạm hợp đồng số tiền 361.069.724 đồng; đối với số tiền gốc và tiền lãi còn lại, hai bên tạm thời chưa thỏa thuận được với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận đã nhận đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 có nêu đơn ghi ngày 31/5/2018 tức xác nhận đã nhận đơn tháng 02 nhưng tháng 5/2018 đơn mới tới Tòa án. Qua kiểm tra đơn khởi kiện ghi ngày 31/5/2017, căn cứ theo ngày ghi trên đơn thì 09 tháng Tòa mới thụ lý vụ án. Vi phạm này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng anh U, chị H trả nợ gốc cho Ngân hàng là 900.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phát sinh cho đến ngày trả xong số nợ; Ngân hàng có trách nhiệm giao trả 02 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đứng tên anh U cho vợ chồng anh U; ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc rút yêu cầu tính lãi phạt với số tiền là 361.069.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 31/5/2017, nhưng trong nội dung Giấy xác nhận nhận đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 thì Tòa án cấp sơ thẩm lại xác nhận nhận đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2018 là chưa phù hợp, do đó cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm về vi phạm này.

[2] Theo hợp đồng tín dụng số HD0522/HĐTD được xác lập ngày 29/11/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với vợ chồng anh U, chị H thể hiện anh U, chị H có vay của Ngân hàng số tiền gốc là 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, có thỏa thuận lãi suất gồm lãi suất cho vay bằng 2%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay và lãi phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả; hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đến hạn thanh toán Ngân hàng yêu cầu trả nợ nhưng anh U không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh U trả.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận thấy, việc thỏa thuận lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật về tín dụng tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng và việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi nợ quá hạn của Ngân hàng là có căn cứ.

Tuy nhiên, đối với việc hai bên thỏa thuận tính phạt chậm trả lãi và việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính phạt chậm trả lãi của Ngân hàng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì *“Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn... việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”*. Do phạt chậm trả trong hợp đồng tín dụng là một hình thức phạt vi phạm hợp đồng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về phạt vi phạm hợp đồng thì *“phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm”*. Theo đó, trong hợp đồng tín dụng, nếu bên vay chậm trả

nợ gốc, nợ lãi thì có thể bị phạt bằng một khoản tiền nhất định. Nhưng trong hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2011 tính phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả với số tiền là 361.069.000 đồng, phía anh U cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận việc rút yêu cầu này của Ngân hàng. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, Hội đồng xét xử thống nhất sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; buộc anh U, chị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 15/6/2018) số tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 174.668.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.687.572.750 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 2.762.240.750 đồng. Tuy nhiên, phía Ngân hàng cũng có một phần lỗi kéo dài thời gian khởi kiện đòi nợ, gây thiệt hại cho phía vợ chồng anh U; hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm phía đại diện Ngân hàng cũng có ý kiến sẽ trình lãnh đạo xem xét giảm lãi cho vợ chồng anh U trong giai đoạn thi hành án; do đó đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi cho vợ chồng anh U.

[4] Ngoài ra, phía Ngân hàng còn yêu cầu anh U, chị H thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong nhưng cấp sơ thẩm lại không tuyên rõ phần lãi này trong phần quyết định là không phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, anh U, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD0522/HĐTD ngày 29/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh U, chị H phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền là 2.762.240.750 đồng bị buộc trả cho Ngân hàng:

$$72.000.000 \text{ đồng} + (762.240.750 \text{ đồng} \times 2\%) = 87.244.815 \text{ đồng}.$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 351, 422, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày

31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn anh U và chị H.

Buộc anh U và chị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/6/2018 là 2.762.240.750 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/6/2018), anh U, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD0522/HĐTD ngày 29/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh U và chị H không trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số HD0522/HĐTC ngày 29/12/2011 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K và anh U, chị H.

Trường hợp anh U, chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có trách nhiệm trả lại cho anh U, chị H bản chính 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 745698 và số AD 745697 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông B và bà N vào ngày 03/4/2006, được chỉnh lý biến động sang tên anh U vào ngày 13/10/2009.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh U, chị H phải trả tiền phạt chậm trả lãi số tiền 361.069.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 43.310.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm mười nghìn đồng)

theo biên lai thu tiền số 0007834 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Buộc anh U, chị H phải chịu án phí giá ngạch là 87.244.815 đồng (Tám mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm mười lăm đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn